

Bản án số: 71/2024/HS-ST

Ngày 08/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phương Tín.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tấn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

KPT, giới tính: Nam; sinh ngày xx/yy/2001; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thường trú: xx Nguyễn Chí Thanh, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông KPH và bà PTML.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”, thời gian là 18 tháng theo Quyết định số xx/QĐ-TA ngày 11/3/2020, đến ngày 02/5/2021 chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/8/2023 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (bị cáo có mặt).

*** Bị hại:**

- Em VGT, sinh năm 2008; địa chỉ: xx Tôn Thất Hiệp, Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của emT:

- Ông VVĐ và bà NTKT; địa chỉ: xx Tôn Thất Hiệp, Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Em HGL, sinh năm 2008; địa chỉ: xx Bình Long, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của em L:

- Ông HQT và bà CPT; địa chỉ: xx Bình Long, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 12/5/2023, bị cáo KPT đi vào cửa hàng B'smart số 223 Tôn Thất Hiệp, Phường 12, Quận 11 để mua đồ thì thấy em VGT, sinh ngày 13/11/2008 và em HGL, sinh ngày 15/10/2008 (cả hai em đều là người chưa thành niên) đang trong cửa hàng và đang sử dụng điện thoại di động, lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại nên chủ động đến nói chuyện. Trong lúc nói chuyện biết được T và L là học sinh T Trung học cơ sở Phú Thọ nên T nói là có đưa em cũng đang học tại T này và mới bị đánh tại T, người đánh có đặc điểm giống với T và L. Khi T và L nói không phải thì T đề nghị T và L đi gặp trực tiếp em của T để xác nhận lại, T và L đồng ý đi theo. Sau đó, T dẫn T và L đi vòng quanh khu vực đường hẻm tại Phường 12, Quận 11 để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Khi đến bên hông nhà số 1162/18 đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 11, T nói L đưa điện thoại cho T để kiểm tra nội dung bên trong điện thoại xem có hình ảnh liên quan đến việc đánh em mình không, L đồng ý và lấy điện thoại trong cặp ra, mở khóa màn hình của điện thoại rồi đưa cho T mượn. Sau đó, T tiếp tục kêu T đưa điện thoại với cùng lý do, T cũng đồng ý và lấy điện thoại từ trong túi quần ra, mở khóa màn hình và đưa cho T xem. Được một lúc thì T nói sẽ cầm hai điện thoại trên đem vào nhà bà nội cho em T xem, có phải hình ảnh người trong điện thoại là người đánh em T không, nếu không có thì sẽ trả lại, đồng thời nói với L và T rằng bà nội rất khó, nếu thấy đi đông về nhà sẽ bị la. Sau đó, T cầm 02 chiếc điện thoại trên đi vào hẻm và nhanh chóng bỏ trốn. T và L đứng đợi không thấy T đến trả điện thoại nên đến Công an Phường 12, Quận 11 trình báo sự việc.

Sau khi đã lấy được điện thoại, T nhanh chóng bỏ trốn, sau đó mang bán 02 chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được cho một người tên gọi là A Tĩa với giá 2.000.000 đồng mỗi chiếc, hai chiếc là 4.000.000 đồng. Số tiền trên T đã tiêu xài hết, khi bán điện thoại thì T không nói 02 điện thoại đó là tài sản do phạm tội mà có, chỉ nói là điện thoại của T nên A Tĩa tin và mua 02 chiếc điện thoại trên.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận 11 kết luận tài sản bị chiếm đoạt là: 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note 11 màu xám đã qua sử dụng có giá trị 3.650.000 đồng (tại thời điểm ngày 12/5/2023); 01 điện thoại Realme GT Neo 2 màu đen đã qua sử dụng có giá trị 4.200.000 đồng (tại thời điểm ngày 12/5/2023). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt qua định giá là: 7.850.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11, bị cáo KPT đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Qua điều tra xác định “A Tĩa” có tên là Bành Quốc Tài, sinh năm 1990, địa chỉ: 154/18 Phong Phú, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài khai

nhận vào ngày 12/5/2023 có mua 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note 11 Pro màu xám và 01 điện thoại Realme GT Neo 2 màu đen của KPT với giá 2.000.000 đồng mỗi chiếc, tổng số tiền mua 02 chiếc điện thoại trên là 4.000.000 đồng. Khi mua, Tài kiểm tra thấy không có mật khẩu, hỏi T thì T nói là điện thoại của mình không sử dụng nữa nên bán. Tài không biết 02 điện thoại trên là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi mua, Tài để 02 điện thoại ra bày bán tại cầu Nhị Thiên Đường, khoảng 20 ngày sau thì đã có khách đến mua lại. Tài không biết lai lịch người mua điện thoại.

Vật chứng vụ án:

- Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB 02 đĩa DVD ghi âm, ghi hình liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của các bị hại và bản thân các bị hại là em VGT, em HGL đều không yêu cầu bị cáo bồi thường gì cả.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 19 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị cáo KPT về tội “Cướp giật tài sản” thuộc T hợp “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo KPT từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của các bị hại và bản thân các bị hại là em VGT, em HGL đều không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB 02 đĩa DVD ghi âm, ghi hình liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội:

Vào khoảng 17 giờ ngày 12/5/2023, bị cáo KPT đã có hành vi chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại của em HGL và em VGT, tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị 7.850.000 đồng.

Ngày 22/8/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với KPT về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đã được Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phê chuẩn theo Quyết định số 134/QĐ-VKSQ11 ngày 28/8/2023.

Vào ngày 04/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có Công văn số 01/CV-VKSQ11 yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với KPT về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) sang tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với lý do là: Ban đầu bị cáo T đã dùng thủ đoạn gian dối để cho các bị hại tin tưởng và tạm thời giao tài sản của mình cho T. Tuy nhiên, khi nhận được tài sản thì bị cáo T đã nhanh chóng tẩu thoát, tìm cách tẩu tán tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Ngày 05/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã ban hành quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với KPT từ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sang tội “Cướp giật tài sản” theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11. Đồng thời, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã ban hành Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số: 06/BKL-ĐCSHS ngày 08/01/2024 đối với bị cáo KPT về tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo Cáo trạng số: 17/CT-VKSQ11 ngày 19/01/2024, Viện Kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo KPT về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vào ngày 23/5/2024, Tòa án nhân dân Quận 11 đã mở phiên tòa xét xử đối với bị cáo KPT. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 để khởi tố, điều tra và truy tố bị cáo KPT về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 vẫn giữ quan điểm và vẫn truy tố bị cáo KPT về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 11.

Tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các lời khai của bị cáo, bị hại có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo KPT trong vụ án này không cấu thành tội “Cướp giật tài sản” như Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố. Bị cáo T đã không thực hiện hành vi công khai và bất ngờ chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối, đưa ra những thông tin giả để bị hại tin là sự thật nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 cho rằng sau khi chiếm đoạt được tài sản của bị hại thì bị cáo đã nhanh chóng tìm cách tẩu thoát để truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không phù hợp vì khi bị cáo có lừa đảo hay cướp giật thì sau khi chiếm đoạt được tài sản của bị hại thì cũng đều phải tìm cách tẩu thoát mà thôi. Từ khi bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại cho đến khi thực hiện được hành vi chiếm đoạt đã được diễn ra trong một quá trình và các bị hại đã thực hiện việc giao tài sản theo sự điều khiển của bị cáo. Ngoài ra, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào lời khai tại phiên tòa, tất cả đều xác định: Sau khi các bị hại giao tài sản cho bị cáo thì bị cáo đã không bỏ chạy ngay, bị cáo vẫn đi bộ bình thường một đoạn, khi đến góc khuất thì mới bỏ chạy, điều đó cho thấy bị cáo đã cố tình che đậy sự gian dối của

mình để cho các bị hại tin vào lời nói và hành vi của bị cáo là sự thật để nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Do đó, trong vụ án này bị cáo KPT cần phải được xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là tội danh nhẹ hơn so với tội “Cướp giật tài sản” mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo KPT đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng (...) thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (...)”

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không có nơi cư trú nhất định nên không cần thiết phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của các bị hại và bản thân các bị hại là em VGT, em HGL đều không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB 02 đĩa DVD ghi âm, ghi hình liên quan đến vụ án.

Đối với Bành Quốc Tài (A Tia), khi mua 02 chiếc điện thoại di động từ bị cáo T, Tài không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với Bành Quốc Tài.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo KPT phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo KPT 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/8/2023.

Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử lý vật chứng:

- Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB và 02 đĩa DVD ghi âm và hình ảnh vụ án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo KPT chịu án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Vĩ Bửu